

BẢNG TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

THÁNG 3 / 2024

Ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ TC

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Dạy môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đã viên	Ngày tuyên dùng chính thức (thết tập sự)	Ngày tháng nâng lương gần nhất	Đến hạn nâng lương	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PCV K	Chức vụ	Trách nhiệm	PCUĐ	PC TN nghề	Vượt khung	Đảng đoàn	Thu hút	Tổng công lương & phụ cấp	Nghỉ việc hàng tháng	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Tư lương	Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền vay
1	4203215056419	Bùi Cao Văn	HT	T	V.07.05.15		CUU	02/09/2001	01/12/2022	0	9	4,98	22%	0%	0,70		1,70	1,25	-	0,30	-	16.080.480	1.184.962	14.895.518	14.895.518		
2	4203215005736	Nguyễn Tấn Lương	HP	T	V.07.05.14		CUU	01/11/1999	01/12/2021	0	4	5,02	24%	0%	0,55		1,67	1,34	-	0,30	-	15.980.040	1.305.385	14.674.655	14.674.655		
3	4203215045146	Nguyễn Việt Trung	HP	SI	V.07.05.14		X	01/10/2002	01/10/2022	0	3	4,68	21%	0%	0,55		1,57	1,10	-	-	-	14.215.140	1.196.049	13.019.091	13.019.091		
4	4203215040720	Lê Văn Đức	TP	A	V.07.05.15			07/09/1999	01/06/2022	0	9	4,98	24%	0%	0,15		1,54	1,23	-	-	-	14.220.360	1.202.267	13.018.093	13.018.093		
5	4203215030292	Liên Thị Thu	TT	A	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/01/2023	0	8	4,65	22%	0%	0,25		1,47	1,08	-	-	-	13.406.400	1.129.842	12.276.558	12.276.558		
6	4203215029842	Phan Thị Tinh	GV	A	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/11/2023	0	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447		
7	4203215040845	Võ Thị Thủy Nga	GV	A	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/02/2023	0	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447		
8	4203215029518	Nguyễn Thị Dương	GV	A	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/10/2022	0	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291		
9	4203215029553	Phan Thị Bích Nga	GV	A	V.07.05.15		X	03/09/2011	03/09/2023	0	0	3,66	12%	0%	-		1,10	0,44	-	-	-	1.976.400	-	1.976.400	1.976.400		
10	4203215029603	Nguyễn Thị Toàn	GV	A	V.07.05.15		X	03/09/2011	03/09/2023	0	5	3,66	12%	0%	-		1,10	0,44	-	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211	8.580.211		
11	4203215029792	Nguyễn Thị Vân	GV	A	V.07.05.15		X	01/06/2009	01/04/2023	0	7	4,32	18%	0%	-		1,30	0,78	-	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	10.545.034		
12	4203205149303	Nguyễn Hữu Phúc	GV	A	V.07.05.15		X	01/04/2003	01/12/2023	0	8	4,65	19%	0%	-		1,40	0,88	-	-	-	12.471.300	1.045.832	11.425.468	11.425.468		
13	4203215037358	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	GV	A	V.07.05.15		X	01/04/2009	01/04/2021	0	4	3,66	14%	0%	-		1,10	0,51	-	-	-	9.486.720	788.584	8.698.136	8.698.136		
14	4203215008019	Ngô Thị Lãnh	GV	A	V.07.05.15		X	03/09/2011	03/09/2023	0	5	3,66	15%	0%	-		1,10	0,55	-	-	-	9.552.600	795.501	8.757.099	8.757.099		
15	4203215029807	Cao Thị Cúc	GV	A	V.07.05.15		X	01/01/2004	01/01/2022	0	7	4,32	20%	0%	-		1,30	0,86	-	-	-	11.664.000	979.776	10.684.224	10.684.224		
16	4203215029950	Tân Ngọc Nhỏ	GV	D	V.07.05.15		X	01/09/1995	01/03/2024	0	9	4,98	28%	6%	-		1,58	1,48	0,30	-	-	15.012.907	1.277.047	13.735.860	13.735.860		
17	4210205045117	Nông Thị Oanh	GV	D	V.07.05.15		X	01/06/2016	01/06/2022	0	3	3,00	7%	0%	-		0,90	0,21	-	-	-	7.398.000	606.690	6.791.310	1.763.000		
18	4203215029497	Nguyễn Thị Thanh Cúc	GV	S	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/11/2023	0	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447		
19	4203215029770	Trương Thị Hương	TT	S	V.07.05.14		X	01/11/1999	01/05/2022	0	4	5,02	24%	0%	0,25		1,58	1,26	-	-	-	14.608.440	1.235.077	13.373.363	13.373.363		
20	4203215029400	Nguyễn Thị Hà	GV	S	V.07.05.15		X	01/09/2000	01/09/2021	0	8	4,65	23%	0%	-		1,40	1,07	-	-	-	12.806.100	1.080.986	11.725.114	11.725.114		
21	4203215030313	Nguyễn Việt Quang	GV	S	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291		
22	4203215029734	Huyền Văn Chung	TP	S	V.07.05.15			15/09/2005	15/09/2023	0	7	4,32	18%	0%	0,15		1,34	0,80	-	-	-	11.908.080	996.899	10.911.181	3.625.000		
23	4203205025550	Nguyễn Thị Nga	GV	S	V.07.05.15		X	01/09/1999	01/03/2022	0	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447		
24	4203215030001	Thái Ngọc Đón	GV	H	V.07.05.15			15/09/1988	01/12/2023	0	9	4,98	35%	16%	-	0,10	1,73	2,02	0,80	-	-	17.337.096	1.473.951	15.863.145	15.863.145		
25	4203215029395	Nguyễn Văn Phú	TT	H	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/11/2022	0	9	4,98	23%	0%	0,25		1,57	1,20	-	-	-	14.403.420	1.215.818	13.187.602	13.187.602		
26	4203215029439	Phan Thị Phú	GV	H	V.07.05.14		X	05/10/2002	05/10/2023	0	3	4,68	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.720.240	1.070.269	11.649.971	11.649.971		
27	4203215029649	Nguyễn Tiến Vinh	GV	H	V.07.05.15			01/09/2002	01/06/2022	0	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291		
28	4203215003181	Nguyễn Thị Kim Nguyễn	GV	H	V.07.05.15		X	01/09/2008	01/01/2023	0	6	3,99	15%	0%	-		1,20	0,60	-	-	-	10.413.900	867.227	9.546.673	9.546.673		



Handwritten signature in blue ink.

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Giới tính	Ngày tuyển dụng (hết tập sự)	Ngày thăng hạng lương gần nhất	Đen hạn nâng lương	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PCV K	Phụ cấp						Nghỉ việc khu vực hưởng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trả lương	Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền vay
												Chức vụ	Trách nhiệm	PCUB	PC TN nghề	Vượt khung	Đang đoàn					
29	4203215045123	Nguyễn Đức Hiền	GV	H	V.07.05.15	05/09/2001	01/12/2023	0	8	4,65	20%	0%	1,40	0,93	-	-	-	12.555.000	1.054.620	11.500.380	-	11.500.380
30	4203215029705	Hồ Thị Hoài Hương	TP	L	V.07.05.15	05/10/2002	05/04/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	-	11.948.688
31	4203215031208	Mai Thị Trúc Hà	GV	L	V.07.05.15	03/09/2011	03/09/2023	0	5	3,66	12%	0%	1,10	0,44	-	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211	-	8.580.211
32	4203215029865	Hồ Thị Thu Thủy	GV	L	V.07.05.14	01/11/1999	01/11/2023	0	4	5,02	24%	0%	1,51	1,20	-	-	-	13.915.440	1.176.487	12.738.953	-	12.738.953
33	4203215030336	Đình Văn Tú	TT	L	V.07.05.15	15/09/2005	15/12/2022	0	7	4,32	18%	0%	1,37	0,82	-	0,30	-	12.714.480	1.019.201	11.695.279	-	11.695.279
34	4203215030394	Trương Minh Hà	GV	L	V.07.05.15	15/09/2005	15/09/2023	0	7	4,32	18%	0%	1,30	0,78	-	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	-	10.545.034
35	4203215007290	Nguyễn Thông	GV	L	V.07.05.15	05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	-	11.575.291
36	4203215021892	Hoàng Thị Kim Thi	GV	L	V.07.05.15	01/11/2008	01/02/2023	0	6	3,99	15%	0%	1,20	0,60	-	-	-	10.413.900	867.227	9.546.673	-	9.546.673
37	4203205302839	Nguyễn Thủy Diệu Ánh	GV	N	V.07.05.15	01/09/2009	01/03/2023	0	1	1,99	0%	0%	0,60	-	-	-	-	4.654.260	375.921	4.278.339	-	4.278.339
38	4203215059554	Đỗ Quốc Thiên Trang	PBTD	MT	V.07.05.15	01/09/2009	00/01/1900	0	2	2,67	0%	0%	0,25	0,80	-	-	-	6.697.800	504.630	6.193.170	-	6.193.170
39	4203215030024	Vân Thị Bé	GV	Si	V.07.05.15	01/11/1999	01/05/2023	0	9	4,98	24%	0%	1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	-	12.637.447
40	4203215029915	Phan Thị Mỹ	TP	Si	V.07.05.14	01/11/1999	01/05/2022	0	4	5,02	24%	0%	1,55	1,24	-	-	-	14.331.240	1.211.641	13.119.599	-	13.119.599
41	4203215029921	Trương Thị Hồng Minh	GV	Si	V.07.05.15	01/09/2000	01/12/2023	0	9	4,98	23%	0%	1,49	1,15	-	-	-	13.714.920	1.157.701	12.557.219	-	12.557.219
42	4203215029871	Trần Thị Thu Thảo	GV	Si	V.07.05.15	05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	-	11.575.291
43	4203215047930	Đoàn Thị Kim Hoa	GV	Si	V.07.05.15	01/01/2013	01/07/2021	0	4	3,33	11%	0%	1,00	0,37	-	-	-	8.451.540	698.601	7.752.939	-	7.752.939
44	4203215029389	Nguyễn Ngọc Đình	GV	TD	V.07.05.15	01/05/2010	01/11/2021	0	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	9.420.840	781.666	8.639.174	-	8.639.174
45	4203215030018	Phan Châu Niêm	TT	TD	V.07.05.15	01/01/1993	01/01/2024	0	9	4,98	30%	10%	1,72	1,72	0,50	-	-	16.496.640	1.407.370	15.089.270	-	15.089.270
46	4203215029967	Hồ Xuân Sơn	TP	TD	V.07.05.15	05/10/2002	05/01/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	-	11.948.688
47	4203215030359	Vương Chí Sĩ	GV	TD	V.07.05.15	01/09/2000	01/03/2024	0	9	4,98	23%	0%	1,49	1,15	-	0,30	-	14.254.920	1.157.701	13.097.219	-	13.097.219
48	4203215030444	Nguyễn Tuy	GV	TD	V.07.05.15	05/10/2002	05/04/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	-	11.575.291
49	4203215057696	Phan Thị Lệ Mỹ	GV	TD	V.07.05.15	01/03/2011	01/06/2022	0	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	9.420.840	781.666	8.639.174	-	8.639.174
50	4203215029690	Nguyễn Phúc Hương	TT	T	V.07.05.15	22/02/1993	01/02/2023	0	9	4,98	30%	12%	1,75	1,75	0,60	-	-	16.783.488	1.431.841	15.351.647	-	15.351.647
51	4203215030060	Lê Văn Hiền	GV	T	V.07.05.15	01/09/1995	01/09/2022	0	9	4,98	28%	0%	1,49	1,39	-	-	-	14.163.120	1.204.762	12.958.358	-	12.958.358
52	4203215029626	Phan Văn Nghĩa	TP	T	V.07.05.15	05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	-	11.948.688
53	4203215029451	Đoàn Thị Phương	GV	T	V.07.05.15	05/10/2002	05/04/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	-	11.575.291
54	4203215029711	Trần Thị Ngọc Phương	GV	T	V.07.05.15	15/09/2005	15/03/2023	0	7	4,32	18%	0%	1,30	0,78	-	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	-	10.545.034
55	4203215029501	Đỗ Thị Thuận	GV	T	V.07.05.15	05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	-	11.575.291
56	4203215021115	Dương Thị Như Trang	GV	T	V.07.05.15	01/08/2008	01/08/2023	0	6	3,99	15%	0%	1,20	0,60	-	0,30	-	10.953.900	867.227	10.086.673	-	10.086.673
57	4203215030365	Lê Hồng Sa	GV	T	V.07.05.15	01/05/2010	01/08/2021	0	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	9.420.840	781.666	8.639.174	-	8.639.174
58	4203205263322	Nguyễn Thị Thanh	PBTD	T	V.07.05.15	16/07/2018	16/07/2021	0	2	2,67	5%	0%	0,25	0,80	0,13	-	-	6.938.100	529.862	6.408.238	-	6.408.238
59	4203205023219	Phan Thị Thanh Vân	GV	T	V.07.05.15	01/05/2010	01/08/2021	0	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	9.420.840	781.666	8.639.174	-	8.639.174

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Đay môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đã viên	Ngày huyện dùng chính thức (bắt tập sự)	Ngày tháng nâng lương gần nhất	Đến hạn nâng lương	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PC V K	Chức vụ	Trách nhiệm	PCU/Đ	PC TN nghề	Vượt khung	Đảng đoàn	Thu hút	Tổng công lương & phụ cấp	Nghỉ việc Khg hưởng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trả tiền vay NH	Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền vay	
																												TC biên chế là: 74 người
60	4203215029372	Nguyễn Xuân Tình	GV	TT	V.07.05.15			03/09/2011	03/09/2023	0	5	3,66	12%	0%	-	1,10	0,44	-	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211		8.580.211			
61	4203215059793	Dương Hồng Hải	TP	TT	V.07.05.15			15/09/2011	15/09/2023	0	5	3,66	12%	0%	0,15	1,14	0,46	-	-	-	9.738.360	806.501	8.931.859		8.931.859			
62	4203215029610	Nguyễn Thị Xuân Đào	GV	V	V.07.05.15	X		01/11/2002	01/11/2023	0	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291		11.575.291			
63	4203215030409	Trần Thị Phương Duyên	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291		11.575.291			
64	4203215029820	Dương Thị Ngọc Hà	TT	V	V.07.05.15	X	X	01/11/1999	01/11/2020	0	9	4,98	24%	0%	0,25	1,47	1,03	-	-	-	13.804.560	1.120.581	12.197.619		12.197.619			
65	4203215029786	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2022	0	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291		11.575.291			
66	4203215029560	Phạm Thị Sen	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2020	0	8	4,65	21%	0%	-	1,20	0,68	-	-	-	10.577.540	882.309	9.675.231		9.675.231			
67	4203215034191	Phạm Thị Xuân Hiếu	GV	V	V.07.05.15	X		01/09/2006	01/05/2021	0	6	3,99	17%	0%	-	1,44	1,01	-	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688		11.948.688			
68	4203215042233	Bùi Quốc Công	TP	V	V.07.05.15	X	X	05/10/2002	05/07/2022	0	8	4,65	23%	0%	0,15	1,40	1,07	-	-	-	12.806.100	1.080.986	11.725.114		11.725.114			
69	4203215030076	Châu Thị Hiền	GV	V	V.07.05.15	X	X	04/09/2001	01/03/2022	0	8	4,65	23%	0%	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291		11.575.291			
70	4203215029678	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	0	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	-	7.812.000	801.360	7.010.640		7.010.640			
71	4203205044730	Dương Quốc Huy	TT&PV	VP	06.031		X	03/04/2008	01/05/2023	0	6	3,99	0%	0%	0,25	0,10	-	-	-	-	3.708.000	389.340	3.318.660		3.318.660			
72	4203215034314	Lê Thị Linh	NV	VP	02.008	X		01/03/2022	01/09/2022	0	2	2,06	0%	0%	-	-	-	-	-	-	6.948.000	691.740	6.256.260		6.256.260			
73	4200215023936	Trần Thị Bích Thảo	NVTV	VP	V.10.02.06	X		01/03/2022	01/03/2020	0	5	3,66	0%	0%	-	0,20	-	-	-	-	4.483.000	470.610	4.011.390		4.011.390			
74	4203215057020	Nguyễn Hồ Công Huy	TP	VP	V.11.06.14		X	01/03/2022	01/03/2023	0	1	2,34	0%	0%	0,15	-	-	-	-	-	5.940.000	623.700	5.316.300		5.316.300			
75	4203215030342	Lê Đức Nhà	NV	VP6				01/01/2003	01/11/2023	0	11	3,30	0%	0%	-	-	-	-	-	-	4.320.000	453.600	3.866.400		3.866.400			
76	4203205292301	Nguyễn Thanh Tuấn	NV	VP6				01/11/2023	01/11/2023	0	6	2,40	0%	0%	-	-	-	-	-	-	4.608.000	483.840	4.124.160		4.124.160			
77	4203215034973	Mai Thị Cẩm Lai	NV	VP6		X		01/11/2023		0	7	2,56	0%	0%	-	-	-	-	-	-	883.899.611	74.417.204	809.477.407		804.084.407			
Tổng cộng: 77 người													45	26	323,9	5.150	0,90	94,25	63,19	2,19	1,50	-	883.899.611	-	74.417.204	809.477.407	5.388.000	804.084.407
TC biên chế là: 74 người													315,6	-	-	5.150	0,90	94,25	63,19	2,19	1,50	-	869.021.611	-	72.856.064	796.165.547	5.388.000	790.777.547
TC HĐĐS và TCTBC: 3 người													8,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.868.000	-	1.561.140	13.306.860	-	13.306.860

Số tiền bằng chữ: Tám trăm lẻ chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm lẻ bảy đồng chẵn.

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

Tháng Bình, ngày 4 tháng 3 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Vân





Handwritten text in purple ink, appearing to be a signature or a set of initials, located below the stamp.